TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v tranh chấp: "Chia thừa kế quyền sử dụng đất, nhà ở"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đấu.

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp "Chia thừa kế quyền sử dụng đất, nhà ở".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hồ Thị L, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Chí H, Luật sư Công ty Luật M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Hồ Nhựt T, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hồ Nhựt T1, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Hồ Thị A, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Hồ Nhựt D, sinh năm 1954 (chết ngày 15/12/2010);

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Nhựt D, gồm:

3.1. Lưu Thị H1, sinh năm 1956 (vợ) (vắng mặt);

3.2. Hồ Nhựt D1, sinh năm 1978 (con) (vắng mặt);

3.3. Hồ Nhựt V, sinh năm 1980 (con) (vắng mặt);

3.4. Hồ Nhựt L1, sinh năm 1984 (con) (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Hồ Thị H2, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

5. Hồ Thị Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Hồ Thị H3, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Hồ Thị T2, sinh năm 1965 (có mặt);

8. Hồ Thị H4, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Huỳnh Thị K, sinh năm 1976 (vắng mặt);

10. Hồ Huỳnh N, sinh năm 1997 (vắng mặt);

11. Hồ Huỳnh Diễm M1, sinh năm 1998 (có mặt);

12. Hồ Huỳnh Yến N1, sinh năm 2001 (có mặt);

13. Hồ Thị Thanh T3, sinh năm 2005;

14. Hồ Thị Trúc C, sinh năm 2009;

Người đại diện theo pháp luật của Thanh T3, Trúc C: Hồ Nhựt T, sinh năm 1971 (có mặt) và Huỳnh Thị K, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020, bản tự khai ngày 05/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/11/2021, bản tự khai ngày 08/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày:*

Cha bà là cụ Hồ Nhựt B, mẹ bà là cụ Ngụy Thị M2 có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 021477, thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.380m^2, đất thổ quả; thửa số 14, tờ bản đồ số 1, diện 3.630m^2, đất 2L tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/5/1997 cho cụ Hồ Nhựt B đứng tên chủ sử dụng. Trên phần đất này có căn nhà cấp 4 do cha mẹ

bà xây dựng. Hiện nay, nhà và đất này do Hồ Nhựt T quản lý, sử dụng. Cha mẹ bà chết không để lại di chúc; đối với phần đất tổng diện tích 6.010m^2 và căn nhà cấp 4 trên thửa 13, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.380m^2 tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Chia thừa kế theo quy định pháp luật thành 10 kỷ phần cho các đồng thừa kế Hồ Thị L, Hồ Nhựt T, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị A, Hồ Thị H2, Hồ Thị Đ, Hồ Thị H3, Hồ Thị T2, Hồ Thị H4 và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của Hồ Nhựt D (chết) – vợ Lưu Thị H1, các con Hồ Nhựt D1, Hồ Nhựt V, Hồ Nhựt L1. Tài sản chia thừa kế gồm:

- Phần đất có diện tích 6.218,3m^2 thuộc hai thửa đất số 13 và 14 (sau khi trừ đi phần mộ có diện tích 30,4m^2 trong tổng diện tích đo đạc thực tế hai thửa đất trên là 6.248,7m^2); đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Mỗi kỷ phần là 621,8m^2, bà xin nhận bằng hiện vật. Bà xin nhận kỷ phần 621,8m^2 tại vị trí cuối thửa đất số 13, tiếp giáp thửa đất số 14 theo Đơn xin nhận đất kỷ phần cha mẹ để lại ngày 11/6/2019.

- Căn nhà cấp 4 trên diện tích 2.380m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang có giá trị là 602.285.847 đồng. Bà xin nhận giá trị, giá trị kỷ phần là 60.228.584 đồng.

Yêu cầu ông Hồ Nhựt T thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo Biên bản hòa giải ngày 17/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Nhựt T trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Hồ Nhựt B và cụ Ngụy Thị M2; cha mẹ ông có 10 người con là Hồ Thị L, Hồ Nhựt T, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị A, Hồ Thị H2, Hồ Thị Đ, Hồ Thị H3, Hồ Thị T2, Hồ Thị H4 và Hồ Nhựt D (đã chết; có vợ là Lưu Thị H1, các con Hồ Nhựt D1, Hồ Nhựt V, Hồ Nhựt L1).

Cha mẹ ông có khối tài sản chung là phần đất hơn 10.000m^2. Khi còn sống, cha ông đã cắt chia cho hai người anh của ông, mỗi người 4.000m^2 nên hiện nay diện tích đất còn lại chỉ khoảng 6.010m^2 (diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hiện nay, đất này do ông trực tiếp quản lý. Lúc cha ông còn sống thì cha ông có nói cho ông 4.000m^2, cho bà Hồ Thị H2 1.000m^2, việc này cha ông có viết di chúc tay để lại.

Trên đất có căn nhà cấp 4. Năm 1980 – 1997, hiện trạng căn nhà là nhà cây, mái tole, vách gỗ kho, nền đất; năm 1997, bà H2 cho tiền lót gạch; đến năm 2009 thì ông sửa chữa, lợp tole lạnh, đóng la-phông, làm vách tường, lát gạch ceramic, làm mái che phía trước.

Hiện nay ông đang sử dụng đất để trồng cây ăn trái, cây trồng trên đất đều do ông trồng.

Đối với phần đất 6.010m^2 còn lại trong khối tài sản chung của cha mẹ ông; ông xin nhận 4.000m^2 để gìn giữ, thờ cúng; nếu bà H2 yêu cầu nhận 1.000m^2 đất theo di chúc thì ông đồng ý chia lại cho bà H2; đối với yêu cầu chia thừa kế của bà L thì ông không đồng ý.

Ông yêu cầu nếu chia thừa kế thì phải hoàn trả cho ông chi phí cải tạo nhà, đất; chi phí chăm sóc cây trồng; chi phí nâng giá trị đất từ lúa lên vườn; chi phí chăm sóc cha mẹ khi còn sống và chi phí mai táng.

** Theo Biên bản hòa giải ngày 17/11/2021, ngày 06/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Nhựt T1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L, không bổ sung gì thêm.

** Theo các Biên bản hòa giải ngày 22/12/2020, ngày 17/11/2021, ngày 06/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H3 trình bày:*

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L. Bà xin nhận kỷ phần thừa kế của bà như sau:

- Đối với di sản là phần đất có diện tích 6.010m^2, bà yêu cầu nhận một kỷ phần có diện tích 601m^2, bà xin nhận bằng hiện vật.

- Đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất có diện tích 2.380m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 1 tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bà không yêu cầu chia thừa kế.

** Theo các Biên bản hòa giải ngày 22/12/2020, ngày 17/11/2021, ngày 06/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H4 trình bày:*

Cha bà có hứa cho bà H2 1.000m^2 đất, bà L yêu cầu chia thừa kế nhưng ông T không chia nên bà L mới khởi kiện. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L. Tuy nhiên kỷ phần của bà xin được giao lại cho ông Hồ Nhựt T quản lý, sử dụng. Bà chỉ yêu cầu ông Hồ Nhựt T sau khi nhận đất phải chừa lối đi chung.

Về căn nhà, không phải do ông T tự xây cất mà bà H2 có gửi tiền về phụ xây nhà, khoảng ½ tổng chi phí xây nhà.

Theo ý kiến của bà, bà đề nghị ông T chia đất cho bà H2, bà T2, bà L; còn lại thì để cho ông T quản lý, sử dụng, cúng giỗ; đối với căn nhà thì để lại cho ông T, không yêu cầu chia.

Nếu ông Hồ Nhựt T đồng ý thỏa thuận, bà có ý kiến phân chia lại tài sản như sau: Đối với phần đất có diện tích 6.000m^2; bà đề nghị chia cho ông T 3.000m^2, còn lại chia cho bà H2 1.000m^2, bà H3 và bà L mỗi người 500m^2.

** Theo Biên bản hòa giải ngày 17/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến của ông Hồ Nhựt T, không có ý kiến bổ sung.

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị A, Lưu Thị H1, Hồ Nhựt D1, Hồ Nhựt V, Hồ Nhựt L1, Hồ Thị H2, Hồ Thị Đ,*

Hồ Huỳnh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Chị Hồ Huỳnh Diễm M1, chị Hồ Huỳnh Yến N1 có ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị L phát biểu và đề nghị: Tờ di chúc ngày 11/5/2015 mà ông T yêu cầu công nhận không có giá trị pháp lý vì không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, di chúc là do con của ông T viết không có người làm chứng, đề nghị không công nhận di chúc. Di sản của cụ B và cụ M2 chết để lại là phần diện tích đất và nhà hiện đang tranh chấp diện tích 6.010m^2 (diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cụ B và cụ M2 chết không có di chúc nên bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ B, cụ M2 cho 10 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, yêu cầu chia bằng hiện vật và chia chi phí tố tụng. Tại phiên tòa bà L rút yêu cầu chia căn nhà, đề nghị ghi nhận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia căn nhà, do đó đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với chia di sản là căn nhà. Tờ di chúc ngày 11/5/2015 là không hợp pháp, do đó việc ông T yêu cầu công nhận di chúc là không có căn cứ để xem xét. Do di chúc của cụ B không hợp pháp, cụ B và cụ M2 chết có để lại di sản là phần diện tích đất 6.010m^2 (diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) chưa chia. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/9/2019, các bên đương sự đã có thỏa thuận thống nhất việc chia di sản của cụ B, cụ M2 nhưng sau đó không thực hiện, nay bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ đề nghị chấp nhận. Khi giải quyết chia di sản cần xem xét đến công sức của ông T trong việc gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất như hiện nay và công sức nuôi dưỡng chăm sóc, chi phí ma chay, mai táng cụ B và cụ M2. Đối với phần di sản của ông T1, bà A, bà H2, bà Đ hiện chưa có yêu cầu, đề nghị tạm giao cho ông T quản lý; phần của bà H4, bà T2, ông D cho lại cho ông T đề nghị ghi nhận; chi phí tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Nhựt B và cụ Ngụy Thị M2 chết để lại là phần đất có diện tích 6.010m^2 và căn nhà, đây là tranh chấp "Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, nhà ở" theo quy định tại Điều 609 và Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H2 hiện đang cư trú sinh sống tại nước ngoài; theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hồ Nhựt T1, Hồ Thị A, Hồ Thị Đ, Lưu Thị H1, Hồ Nhựt D1, Hồ Nhựt V, Hồ Nhựt L1, Hồ Thị H2, Huỳnh Thị K, Hồ Huỳnh N có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt và vắng mặt lần hai do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T1, A, Đ, H1, D1, V, L1, K, N là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/3/2022, nguyên đơn bà Hồ Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản là căn nhà của cụ B, cụ M2 cất trên phần đất có diện tích 2.380m^2 thuộc thửa số 13. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của bà L theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Hồ Thị L và bà Hồ Thị H3 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B và cụ M2 chết để lại là phần đất đo đạc thực tế sau khi trừ phần đường đi và mồ mã còn lại là 6.050,5m^2; yêu cầu chia 10 kỷ phần, bà L và bà H3 nhận mỗi người một kỷ phần bằng hiện vật và chia chi phí tố tụng.

[6] Xét yêu cầu của bà L và bà H3:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự trình bày thống nhất: cụ Hồ Nhựt B (1930-2016) và cụ Ngụy Thị M2 (1931-2012) chung sống vợ chồng có 10 người con gồm: Hồ Thị L, Hồ Nhựt T, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị A, Hồ Thị H2, Hồ Thị Đ, Hồ Thị H3, Hồ Thị T2, Hồ Thị H4 và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của Hồ Nhựt D (chết) – vợ Lưu Thị H1, các con Hồ Nhựt D1, Hồ Nhựt V, Hồ Nhựt L1. Khi còn sống cụ B và cụ M2 có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 021477, thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.380m^2, đất thổ quả; thửa số 14, tờ bản đồ số 1, diện 3.630m^2, đất 2L tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/5/1997 cho cụ Hồ Nhựt B đứng tên chủ sử dụng. Trên phần đất này có căn nhà cấp 4 do cha mẹ các ông bà xây dựng. Hiện nay, nhà và đất này do Hồ Nhựt T quản lý, sử dụng, diện tích đo đạc thực tế hai thửa đất trên theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 25/3/2022 là 6.332m^2.

Theo bà L, cụ B và cụ M2 chết không để lại di chúc, bà yêu cầu chia thừa kế di sản theo pháp luật. Ông T trình bày trước khi cụ B chết, cụ B có để lại di chúc

ngày 11/5/2015; di chúc này do con gái ông là Hồ Huỳnh Diễm M1 viết, cụ B ký tên; nội dung di chúc là cụ B để lại cho ông diện tích 3.000m^2, cho bà H2 tại Hoa Kỳ 1.000m^2, còn lại 2.000m^2 dùng vào việc thờ cúng, giao ông quản lý nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L và bà H3.

Xét Tờ di chúc ngày 11/5/2015, ông T thừa nhận do con gái của ông viết, cụ B ký tên, không có người làm chứng, không có công chứng chứng thực. Theo quy định tại Điều 633 Bộ luật Dân sự, di chúc bằng văn bản không có người làm chứng thì người lập di chúc phải tự viết và ký tên vào bản di chúc. Tờ di chúc ngày 11/5/2015 không phải do cụ B viết, do đó phải tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự, phải có người làm chứng. Căn cứ vào quy định tại Điều 633 và Điều 634 Bộ luật Dân sự thì di chúc ngày 11/5/2015 không hợp pháp, ông T yêu cầu thực hiện theo di chúc là không có căn cứ chấp nhận.

Di chúc ngày 11/5/2015 không hợp pháp. Do đó bà L và bà H3 yêu cầu chia di sản của cụ B và cụ M2 theo pháp luật là có căn cứ đúng quy định tại Điều 649 và Điều 650 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự, những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B và cụ M2 gồm: Hồ Thị L, Hồ Nhựt T, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị A, Hồ Thị H2, Hồ Thị Đ, Hồ Thị H3, Hồ Thị T2, Hồ Thị H4 và những người thừa kế thế vị của Hồ Nhựt D (chết) –các con Hồ Nhựt D1, Hồ Nhựt V, Hồ Nhựt L1.

Di sản thừa kế theo nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất là trừ đi phần đường đi tại thửa số 13 diện tích 95,6m^2, thửa 14 diện tích 73,6m^2 để dành làm đường đi chung và phần mồ mã diện tích 30,4m^2 không chia, chia diện tích đo đạc thực tế còn lại là 6.132,4m^2 tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/5/1997 cho cụ Hồ Nhựt B đứng tên chủ sử dụng. Tại thửa số 13 có một phần diện tích đất hướng nam nằm phía trước đường đi có diện tích 81,8m^2, đối với phần đất này có diện tích nhỏ nằm trống trước đường đi, khả năng sử dụng không nhiều, do đó không chia, giao luôn cho ai nhận phần đất thực tế tại thửa số 13. Diện tích thống nhất còn lại để chia thừa kế là 6.050,6m^2.

Trong quá trình giải quyết, ông T có yêu cầu nếu chia thừa kế thì phải hoàn trả cho ông chi phí cải tạo nhà, đất; chi phí chăm sóc cây trồng; chi phí nâng giá trị đất từ lúa lên vườn; chi phí chăm sóc cha mẹ khi còn sống và chi phí mai táng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà L, bà H3, do đó không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như yêu cầu cụ thể chi phí cải tạo đất; chi phí chăm sóc cây trồng; chi phí nâng giá trị đất từ lúa lên vườn; chi phí chăm sóc cha mẹ khi còn sống và chi phí mai táng là bao nhiêu. Thực tế hiện nay phần đất lúa tại thửa 14 đã được lên vườn toàn bộ, các bên trình bày thống nhất khi còn sống cụ B trồng vú sữa, hiện nay thì ông T đã đốn bỏ hết vú sữa để trồng dừa và bưởi. Sau khi cụ B chết thì ông T là người trực tiếp quản lý hai phần đất tại thửa 13, 14; trong quá trình quản lý thì ông T đã gìn giữ, bảo quản, cải tạo đất, tôn tạo vườn, việc trồng bưởi phải đắp mô cao nên mới làm nâng giá trị đất như hiện nay. Giá trị đất theo Biên bản định giá ngày

18/5/2021 là tính theo hiện trạng đất thực tế đã được tôn tạo, bồi đắp hoàn chỉnh mới có giá như hiện nay là 524.000 đồng/m^2. Ông T không đồng ý chia đất, không đưa ra giá trị gìn giữ, bảo quản, cải tạo đất, tôn tạo vườn, Hội đồng xét xử không thể tính được giá cụ thể. Do đó để giải quyết triệt để vụ án, Hội đồng xét xử xem xét chi phí gìn giữ, bảo quản, cải tạo đất, tôn tạo vườn cho ông T bằng một kỷ phần thừa kế.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2, Hiền trình bày thống nhất vợ chồng ông T là người trực tiếp chung sống với cụ B và cụ M2; khi cụ B, cụ M2 ốm đau, nằm viện vợ chồng ông T là người trực tiếp chăm sóc lo chi phí, các anh chị em cũng có phụ chăm sóc, phụ tiền nhưng người lo chính là ông T; khi cụ B và cụ M2 chết thì người trực tiếp lo chi phí ma chay, mai táng là ông T, bà H2 ở Hoa Kỳ có về phụ tiền để lo, hiện nay giỗ chạp là do vợ chồng ông T giỗ. Những chi phí trên không thể tính được cụ thể, khi giải quyết chia di sản của cụ B và cụ M2 Hội đồng xét xử xem xét chi phí chăm sóc cha mẹ khi còn sống và chi phí ma chay, mai táng cho ông T được hưởng là bằng một kỷ phần thừa kế.

Do di sản của cụ B, cụ M2 để lại đo đạc thực tế còn lại là 6.050,6m^2, diện tích đất lớn chia được bằng hiện vật, do đó Hội đồng xét xử chia thừa kế di sản của cụ B, cụ M2 thành 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần là diện tích 504,2m^2 bằng hiện vật.

Ông T được nhận một kỷ phần thừa kế của mình và hai kỷ phần chi phí cải tạo đất; chi phí chăm sóc cây trồng; chi phí nâng giá trị đất từ lúa lên vườn; chi phí chăm sóc cha mẹ khi còn sống và chi phí mai táng.

Ngoài ra bà T2, bà H4, những người thừa kế thế vị của ông D, yêu cầu chia thừa kế phần của mình và đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông T. Tổng cộng ông T được nhận là sáu kỷ phần thừa kế.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông T1, bà H2, bà Đ, bà A từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án những người trên chưa có ý kiến chưa yêu cầu. Trong quá trình nghị án, ngày 30/3/2022 ông T1, bà Đ, bà A có văn bản yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của mình và tặng cho lại cho ông T, văn bản không gửi trực tiếp nhưng không có đóng đấu xác nhận chữ ký nên Hội đồng xét xử không thể xem xét đối với yêu cầu trên của ông T1, bà A, bà Đ. Do đó tạm giao kỷ phần thừa kế của ông T1, bà H2, bà Đ, bà A cho ông T quản lý sử dụng, nếu ông T1, bà H2, bà Đ, bà A có ý kiến tặng cho ông T thì sẽ làm thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà L và bà H3 có yêu cầu được nhận phần đất nằm tại vị trí thửa số 14 theo hướng giáp ranh với đất của ông Hồ Nhựt D. Tại biên bản hòa giải ngày 17/9/2019, các bên đương sự đã có thỏa thuận thống nhất việc chia di sản của cụ B, cụ M2 là chia cho bà L và bà H3 phần diện tích đất nằm ở vị trí thửa 14 giáp với ông Hồ Nhựt D. Do đó yêu cầu của bà L và bà H3 chia cho mình được nhận phần đất nằm tại vị trí thửa số 14 theo hướng giáp ranh với đất của ông Hồ Nhựt D là có căn cứ.

Phần diện tích đất thực tế các bên được nhận: Bà L được nhận diện tích 504,6m^2, bà H3 được nhận diện tích 504,8m^2 tại thửa 14; ông T nhận phần đất tại thửa 13 và một phần thửa 14, do đó phần phía trước đường đi có diện tích 81,8m^2 giao luôn cho ông T, tổng cộng ông T nhận diện tích 3.107,1m^2. Tạm giao cho ông T quản lý, sử dụng kỷ phần của ông T1, bà H2, bà A, bà Đ diện tích 2.015,9m^2 tại thửa 14, giao phần diện tích đất mồ mã 30,4m^2 cho ông T quản lý (có sơ đồ đo đạc ngày 25/3/2022 kèm theo).

Trên phần diện tích đất chia cho bà L và bà H3, hiện ông T đã trồng cây ăn trái, ông T không đồng ý chia đất nên không có yêu cầu hoàn trả giá trị phần cây trồng trên đất được chia cho bà L và bà H3. Tuy nhiên tại phiên tòa bà L và bà H3 đồng ý hoàn trả lại cho ông T giá trị cây ăn trái mà ông T đã trồng, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo Biên bản định giá ngày 02/7/2019 và ngày 18/5/2021 thì giá trị số cây trồng do ông T trồng trên phần phần diện tích chia cho bà L là 18.544.000 đồng, giá trị số cây trồng do ông T trồng trên phần phần diện tích chia cho bà Hòa là 12.808.000 đồng.

[7] Chi phí tố tụng trong vụ án 37.979.000 đồng. Ông T nhận phần của ông D, bà H4, bà T2, chịu chi phí tố tụng là 15.191.600 đồng. Bà L và bà H3 là người khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, do đó bà L chịu 11.394.000 đồng chi phí tố tụng, bà H3 chịu 11.394.000 đồng chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với số tiền trên bà L đã đóng nên buộc ông T và bà H3 hoàn lại cho bà L.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bên đương sự phải chịu án phí trên phần tài sản mình được nhận. Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà H3 chịu án phí đối với phần diện tích đất được chia 504,8m^2, giá trị đất tại thửa đất 14 của bà H3 theo kết quả định giá ngày 18/5/2021 là 524.000 đồng/m^2, 524.000 đồng x 504,8m^2 = 264.515.200 đồng, án phí phải chịu 13.225.000 đồng. Ông T chịu án phí đối với phần diện tích đất được chia 3.107,1m^2, giá trị đất tại thửa đất 13 của ông T theo kết quả định giá ngày 18/5/202 là 596.000 đồng/m^2, 596.000 đồng/m^2 x 3.025,2m^2 = 1.803.019.200 đồng, án phí phải chịu là 66.090.000.

[9] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 609, 633, 634, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 26, 35, 37, 147, 157, 165, 217, 227, 228, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà của cụ B, cụ M2 cất trên phần đất thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.380m^2, đất thổ quả.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L, Hồ Thị H3 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Nhựt B và cụ Ngụy Thị M2 đối với phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 021477, thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.380m^2, đất thổ quả; thửa số 14, tờ bản đồ số 1, diện 3.630m^2, đất 2L tại ấp V, xã V, huyện Châu Thành. Đo đạc thực tế hiện nay có diện dích 6.332m^2 trừ đi phần đường đi và mồ mã không chia, diện tích còn lại 6.050,6m^2.

- Chia cho bà Hồ Thị L diện tích 504,6m^2 đất tại thửa số 14 (có ký hiệu S1 trên sơ đồ), có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp thửa số 21;

+ Hướng Nam giáp thửa số 539;

+ Hướng Đông giáp đất thửa 15 của Hồ Nhựt V;

+ Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H3.

- Chia cho bà Hồ Thị H3 diện tích 504,8m^2 đất tại thửa số 14 (có ký hiệu S2 trên sơ đồ), có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp thửa số 21;

+ Hướng Nam giáp thửa số 539;

+ Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị L;

+ Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H2, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị Đ, Hồ Thị A.

- Tạm giao phần diện tích đất 2.016,8m^2 chia cho bà Hồ Thị H2, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị Đ, Hồ Thị A cho ông Hồ Nhựt T quản lý (có ký hiệu S3 trên sơ đồ).

- Chia cho ông Hồ Nhựt T phần diện tích đất 3.107,1m^2 (có ký hiệu S4, S6, S8, S10 trên sơ đồ), có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp thửa số 11;

+ Hướng Nam giáp thửa số 545, 544;

+ Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H2, Hồ Nhựt T1, Hồ Thị Đ, Hồ Thị A;

+ Hướng Tây giáp đường đi.

- Giao cho ông Hồ Nhựt T quản lý phần diện tích đất mồ mã 30,4m^2 (có ký hiệu S7 trên sơ đồ).

(Có sơ đồ đo đạc ngày 25/3/2022 kèm theo)

- Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia theo quyết định của bản án.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị L hoàn lại cho ông Hồ Nhựt T giá trị cây trồng trên phần đất được chia là 18.544.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị H3 hoàn lại cho ông Hồ Nhựt T giá trị cây trồng trên phần đất được chia là 12.808.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L, bà H3 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Hồ Thị L.

Bà Hồ Thị H3 phải chịu 13.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Nhựt T phải chịu 66.090.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Nhựt T hoàn trả cho bà Hồ Thị L chi phí tố tụng với số tiền 15.191.600 đồng

Bà Hồ Thị H3 hoàn trả bà Hồ Thị L chi phí tố tụng với số tiền 11.394.000 đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị L, bị đơn ông Hồ Nhựt T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H3, bà Hồ Thị T2, bà Hồ Thị H4, chị Hồ Huỳnh Diễm M1, chị Hồ Huỳnh Yến N1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; riêng đối với bà Hồ Thị H2 đang cư trú ở nước ngoài thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 31/3/2022 có mặt bà L, ông T, bà H3, bà T2, bà H4.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền